

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2021/DS-ST

Ngày: 12-10-2021

V/v “*Kiên đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Bảo Phương Uyên

Ông Dương Hải Long

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hg Ngọc Trung Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* bà Trần Thị Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 2144/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “*Kiên đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 532/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Lê H

Địa chỉ: HHT, Phường P, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị P

Địa chỉ: ĐT, Phường I, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Lê H trình bày:*

Vào năm 2014 ông có hợp tác góp vốn cùng với bà Nguyễn Thị P (tên thường gọi là Nguyễn Thúy P) để kinh doanh đan thêu hàng vải áo quần áo. Ngày 27/10/2014 ông đã đưa cho bà P 100.000.000 (một trăm triệu) đồng tiền góp vốn, thời gian đầu tư là 12 tháng, hai bên có lập thành Giấy đầu tư vốn kinh

doanh ngày 27/10/2014, nội dung thỏa thuận do bà P tự viết, sau đó ông và bà P cùng ký xác nhận vào giấy này. Sau khi góp vốn, tháng đầu bà P chia lợi nhuận cho ông 3.000.000 đồng, từ tháng tiếp theo đến hết thời hạn góp vốn và cho đến nay, ông không nhận được tiền chia lợi nhuận cũng như tiền góp vốn. Ông nhiều lần yêu cầu bà P trả lại tiền vốn góp là 100.000.000 đồng nhưng bà P không trả. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P trả cho ông số tiền là 100.000.000 đồng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị P được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh ngày 24/12/2020, bà Nguyễn Thị P trình bày: bà có tên thường gọi trước đây là Nguyễn Thúy Phấn, bà không biết ông Lê H là ai, không nợ ông H số tiền 100.000.000 đồng và cũng không biết về Giấy đầu tư vốn kinh doanh ngày 27/4/2014.

Ông Lê H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Nguyễn Thị P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, tư cách nguyên đơn, bị đơn, thời hạn giải quyết và thu thập tài liệu, chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ vào Giấy đầu tư vốn kinh doanh do bà Nguyễn Thị P viết ngày 27/10/2014 có cả chữ ký của hai bên là ông H và bà P thì việc ông H có đầu tư vốn kinh doanh với bà P số tiền là 100.000.000 đồng là có căn cứ. Việc ông H khởi kiện yêu cầu bà P trả lại cho ông số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án dân sự về việc “*Kiểm đòi tài sản*” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Nguyên đơn Lê H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thị P được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Ngày 27/10/2014, ông Lê H có góp vốn đầu tư với bà Nguyễn Thị P số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có lập Giấy đầu tư vốn kinh doanh ghi ngày 27/10/2014, với nội dung ông H góp vốn với bà P số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn góp vốn 12 tháng, giấy này do bà P tự viết, sau đó ông H và bà P cùng ký xác nhận. Sau khi góp vốn, tháng đầu bà P chia lợi nhuận cho ông H 3.000.000 đồng, các tháng sau bà P không chia lợi nhuận cho ông H nữa. Đến khi hết thời hạn góp vốn, bà P không trả cho ông H số tiền góp vốn, ông H nhiều lần yêu cầu bà P trả lại tiền vốn góp là 100.000.000 đồng nhưng bà P không trả. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị P trả số tiền là 100.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị P trình bày không biết ông Lê H là ai, không nợ ông H số tiền 100.000.000 đồng và cũng không biết gì về Giấy đầu tư vốn kinh doanh ngày 27/4/2014.

Xét, tại Giấy đầu tư vốn kinh doanh ghi: “Anh Lê H có đầu tư vốn kinh doanh cùng cô Nguyễn Thị P số tiền là 100.000.000 đồng, lợi nhuận chia theo tháng như thỏa thuận. Đầu tư trong vòng 12 tháng”. Ông H trình bày giấy này do bà P tự ghi. Tòa án đã tiến hành lấy mẫu chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị P để giám định với chữ ký, chữ viết tại Giấy đầu tư vốn kinh doanh ngày 27/4/2014. Tại Kết luận giám định số 38/GĐ-PC09 ngày 10/3/2021 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị P trên tài liệu cần giám định và chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị P trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra. Như vậy, việc ông H có đầu tư vốn kinh doanh với bà P số tiền là 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Bà P đã không thực hiện đúng thỏa thuận ghi trong Giấy đầu tư vốn kinh doanh ngày 27/10/2014 nên ông H khởi kiện yêu cầu bà P trả lại số tiền 100.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005 về Quyền đòi lại tài sản: “*Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình phải trả lại tài sản đó*”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê H.

[3] Về chi phí tố tụng: chi phí giám định tư pháp là 4.500.000 đồng, ông H đã nộp tạm ứng chi phí giám định. Do kết luận giám định chứng minh yêu cầu của ông H là có căn cứ nên căn cứ Điều 161, 162 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông H không phải chịu chi phí giám định, bà P phải chịu chi phí giám định, Hội đồng xét xử buộc bà P phải trả lại cho ông Lê H chi phí giám định là 4.500.000 đồng.

[4] Về án phí: do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 161; 162; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê H. Buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho ông Lê H số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về chi phí tố tụng: buộc bà Nguyễn Thị P phải trả cho ông Lê H số tiền chi phí giám định tư pháp là 4.500.000 đồng.

Về án phí: bà Nguyễn Thị P phải nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

H trả cho ông Lê H số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0003051 ngày 18/9/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Ông Lê H, bà Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đà Lạt;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Lý